

Số: 151/2010/TT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2010

THÔNG TƯ**Hướng dẫn áp dụng các loại thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với quỹ phát triển đất quy định tại Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư**

Căn cứ các Luật, Pháp lệnh về thuế, phí và lệ phí hiện hành và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành các Luật, Pháp lệnh thuế, phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc miễn các loại thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với Quỹ phát triển đất như sau:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Thông tư này hướng dẫn về các loại thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước áp dụng đối với Quỹ phát triển đất quy định tại Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 69/2009/NĐ-CP) và Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất (sau đây gọi tắt là Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg) và Quy chế mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg).

Điều 2. Các loại thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước áp dụng đối với Quỹ phát triển đất**1. Về Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) từ hoạt động thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và khoản 1 Điều 11 Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất của Quỹ phát triển đất không phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Thu nhập từ các hoạt động khác ngoài hoạt động thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và khoản 1 Điều 11 Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn. Trong đó:

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế bao gồm các khoản thu quy định tại điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 18 Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất.

Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của Quỹ phát triển đất là khoản chi thực tế phát sinh, liên quan đến hoạt động tạo ra doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, có hoá đơn chứng từ hợp lệ, hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn, không bao gồm các khoản chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp.

Trường hợp Quỹ phát triển đất có thu nhập từ các hoạt động thuộc đối tượng chịu thuế TNDN mà Quỹ hạch toán được doanh thu nhưng không hạch toán và xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai, nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ, cụ thể như sau:

- Đối với dịch vụ: 5%;
- Đối với kinh doanh hàng hoá: 1%;
- Đối với hoạt động khác: 2%.

2. Về Thuế giá trị gia tăng

a) Các hoạt động ứng vốn và hỗ trợ do Quỹ phát triển đất cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và khoản 1 Điều 11 Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định uỷ thác cho Quỹ đầu tư phát triển hoặc Quỹ tài chính khác của địa phương quản lý Quỹ phát triển đất hoặc Quỹ phát triển đất được nhận uỷ thác quản lý, sử dụng vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thì phí dịch vụ uỷ thác/nhận uỷ thác (trừ phí dịch vụ uỷ thác/nhận uỷ thác cho vay) thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

c) Quỹ phát triển đất cung cấp các dịch vụ không được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này hoặc có mua sắm, nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng phục vụ cho hoạt động của Quỹ thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

d) Quỹ phát triển đất thực hiện kê khai, khấu trừ, nộp thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng mà tính vào nguyên giá tài sản cố định. Trường hợp tài sản cố định được hình thành một phần từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thì không được khấu trừ thuế giá trị gia

tăng đầu vào theo tỷ lệ (%) của nguồn vốn ngân sách nhà nước trên tổng nguồn vốn hình thành tài sản cố định.

Trường hợp Quỹ phát triển đất thực hiện theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thì không được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào bằng các nguồn kinh phí do Nhà nước cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Về các loại thuế môn bài, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, các loại thuế gián thu và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Thông tư có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

Các nội dung khác không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, tài chính hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo về Bộ Tài chính để xem xét, quyết định./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Đỗ Hoàng Anh Tuấn**